

**UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC**  
**HỘI ĐỒNG THĂNG HẠNG CHỨC DANH**  
**NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC NĂM 2021**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC TỪ HẠNG III LÊN HẠNG II THUỘC SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**(BẬC TIỂU HỌC) KIỂM TRA, SÁT HẠCH VỀ TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ NĂM 2021**

(Kèm theo Thông báo số                      /TB-HĐ ngày              tháng              năm 2021  
của Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2021)

| SBD | Họ         | Tên   | Năm sinh   | Chức vụ, chức danh và ĐVCT    | Đơn vị công tác          | Chức danh nghề nghiệp hiện tại |            | Chức danh nghề nghiệp đề nghị thăng hạng |            |                  | Đánh giá 2019-2020 | Tiêu chuẩn đề nghị thăng hạng    |                   |           |                              | Bồi dưỡng hạng chức danh nghề nghiệp | Thành tích khen thưởng                | Hạng chức danh nghề nghiệp Hội đồng xét |            | Kết quả thẩm định |
|-----|------------|-------|------------|-------------------------------|--------------------------|--------------------------------|------------|------------------------------------------|------------|------------------|--------------------|----------------------------------|-------------------|-----------|------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------------------|------------|-------------------|
|     |            |       |            |                               |                          | Hạng                           | Mã số      | Hạng                                     | Mã số      | Vị trí đảm nhiệm |                    | Bảng tốt nghiệp (Năm tốt nghiệp) | Chuyên ngành      | Ngoại ngữ | Tin học                      |                                      |                                       | Hạng                                    | Mã số      |                   |
| 01  | 02         | 03    | 04         | 05                            | 06                       | 07                             | 08         | 10                                       | 11         | 12               | 15                 | 16                               | 17                | 18        | 19                           | 20                                   | 21                                    | 22                                      | 23         | 24                |
| 1   | Lê Thị     | Hiền  | 1992       | Giáo viên                     | UBND thị xã Bình Long    | III                            | V.07.03.08 | II                                       | V.07.03.07 | GVTH             | HTXS               | Bảng cử nhân (2016)              | Giáo dục Tiểu học | B         | A                            | GVTH hạng II                         | Đạt GVDG cấp thị xã                   | II                                      | V.07.03.07 | Đạt               |
| 2   | Nguyễn Thị | Hường | 25/05/1983 | Giáo viên Trường TH Đồng Tiến | UBND huyện Đồng Phú      | III                            | V.07.03.08 | II                                       | V.07.03.07 | Giáo viên        | Hoàn thành tốt     | Cử nhân 2019                     | Giáo dục Tiểu học | B         | Chứng chỉ UD CNTT cơ bản     | Hạng II                              | GCN giáo viên dạy giỏi cấp huyện 2019 | II                                      | V.07.03.07 | Đạt               |
| 3   | Trương Thị | Ly    | 1984       | Giáo viên, TH Tân Phú         | UBND thành phố Đồng Xoài | III                            | V.07.03.08 | II                                       | V.07.03.07 | GV               | HTT                | ĐH 2019                          | SPAN              | B         | B                            | II                                   | GVDG cấp huyện                        | II                                      | V.07.03.07 | Đạt               |
| 4   | Nguyễn Thị | Thanh | 1991       | Giáo viên                     | UBND thị xã Bình Long    | III                            | V.07.03.08 | II                                       | V.07.03.07 | GVTH             | HTXS               | Bảng cử nhân (2016)              | Giáo dục Tiểu học | B         | Chứng chỉ Ứng dụng công nghệ | GVTH hạng II                         | đạt CSCS Cấp thị xã                   | II                                      | V.07.03.07 | Đạt               |

|    |                 |       |            |                                                       |                          |     |            |    |            |                    |                |                                       |                   |                             |                                        |                    |                                                                  |    |            |     |
|----|-----------------|-------|------------|-------------------------------------------------------|--------------------------|-----|------------|----|------------|--------------------|----------------|---------------------------------------|-------------------|-----------------------------|----------------------------------------|--------------------|------------------------------------------------------------------|----|------------|-----|
| 5  | Lê Thị          | Thùy  | 1977       | Giáo viên trường TH An Lộc A                          | UBND thị xã Bình Long    | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | Giáo viên          | HTT            | Bằng cử nhân (2017)                   | Sư Phạm tiểu học  | B                           | B                                      | GV tiêu học hạng 2 | Chiến sỹ TĐCS năm học 2016-2017, Chiến sỹ TĐCS năm học 2017-2018 | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 6  | Bùi Thị         | Tiếp  | 1979       | Giáo viên                                             | UBND thị xã Bình Long    | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | GVTH               | HTT            | Bằng cử nhân (2017)                   | Giáo dục Tiểu học | B                           | A                                      | GVTH hạng II       | 2 lần đạt danh hiệu CSTĐ cấp Thị xã                              | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 7  | Châu Thanh      | Trang | 1978       | Khởi trường, Giáo viên Tiểu học, trường TH Lê Văn Tám | UBND thị xã Bình Long    | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | GVTH               | HTT            | Bằng cử nhân 2016                     | Giáo dục tiểu học | Tiếng anh A2                | Chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin | GVTH hạng II       | 5 lần đạt danh hiệu CSTĐCS tặng bằng khen, GV dạy giỏi cấp huyện | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 8  | Bùi Quốc        | Việt  | 1972       | Hiệu trưởng, Giáo viên Tiểu học, trường TH Lê Văn Tám | UBND thị xã Bình Long    | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | GVTH               | HTXS           | Bằng cử nhân giáo dục Tiểu học (2016) | Giáo dục Tiểu học | Tiếng Anh bậc 3/6 (B1)      | Chứng chỉ A                            | GVTH hạng II       | 2 lần đạt danh hiệu CSTĐ cấp tỉnh                                | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 9  | Nguyễn Thị Thúy | An    | 1990       | GV Trường TH-THCS Thanh Hòa                           | UBND huyện Bù Đốp        | III | V07.03.08  | II | V07.03.07  | Giáo viên tiểu học | HTXSN V        | Đại học 2016                          | Giáo Dục Tiểu Học | B                           | CB                                     | II                 | GV giỏi cấp huyện                                                | II | V07.03.07  | Đạt |
| 10 | Nguyễn Thị Lan  | Anh   | 1985       | Giáo viên, Trường TH Tiến Thành                       | UBND thành phố Đồng Xoài | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | GV                 | HTXS           | ĐH 2014                               | SP âm nhạc        | B                           | B                                      | II                 | CSTĐCS                                                           | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 11 | Lê Thị          | Ánh   | 1981       | Giáo viên Trường TH Phú Sơn                           | UBND huyện Bù Đăng       | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | Giáo viên          | HTTNV          | ĐHSP Tiểu học '30/3/2017              | Tiểu học          | A2-2016                     | A-2016                                 | II                 | Năm học 2018-2019; Chiến sỹ thi đua cơ sở                        | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 12 | Nguyễn Quốc     | Công  | 1987       | TPT Đội Trường TH Đa Kía C                            | UBND huyện Bù Gia Mập    | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | TPT Đội            | HTTNV          | ĐH 2017                               | GDTH              | B1                          | CD                                     | Hạng II            | CSTĐCS 2019-2020                                                 | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 13 | Phạm Chí        | Công  | 29/09/1977 | Giáo viên Trường TH Tân Lập                           | UBND huyện Đồng Phú      | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | Giáo viên          | Hoàn thành tốt | Cử nhân 2019                          | Giáo dục Tiểu học | B                           | B                                      | Hạng II            | GCN giáo viên dạy giỏi cấp huyện 2015                            | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 14 | Lương Thị       | Đào   | 1988       | Giáo viên Trường TH Nguyễn Thái Bình                  | UBND huyện Bù Đăng       | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | Giáo viên          | HTXSN V        | ĐHSP Tiếng anh 26/12/2018             | Tiếng anh         | Anh văn B2-2014 Pháp B-2019 | B - 2016                               | II                 | Giáo viên giỏi cấp tỉnh; Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở;             | II | V.07.03.07 | Đạt |

|    |                 |      |            |                                           |                          |     |            |    |            |                 |                     |                          |                   |          |                 |         |                                                 |    |            |     |
|----|-----------------|------|------------|-------------------------------------------|--------------------------|-----|------------|----|------------|-----------------|---------------------|--------------------------|-------------------|----------|-----------------|---------|-------------------------------------------------|----|------------|-----|
| 15 | Trịnh Thị Hoàng | Diễm | 1980       | Giáo viên trường TH Tân Đồng              | UBND thành phố Đồng Xoài | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | GV              | HTXS                | ĐH 2019                  | GDTH              | B        | A               | II      | CSTĐCS                                          | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 16 | Lê Thị          | Diễn | 07/08/1976 | Giáo viên Trường TH Tân Phú               | UBND huyện Đồng Phú      | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | Giáo viên       | Hoàn thành xuất sắc | Cử nhân 2019             | Giáo dục Tiểu học | B        | A               | Hạng II | GCN giáo viên dạy giỏi cấp huyện 2019           | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 17 | Phạm Kim        | Đoài | 1978       | Giáo viên Trường TH Nghĩa Trung           | UBND huyện Bù Đăng       | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | Giáo viên       | HTTNV               | ĐHSP Tiểu học '02/1/2018 | Tiểu học          | B - 2016 | B - 2016        | II      | Năm học 2017-2018: Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh; | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 18 | Huỳnh Long      | Dự   | 1980       | PHT Trường TH Nghĩa Trung                 | UBND huyện Bù Đăng       | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | Phó hiệu trưởng | HTTNV               | ĐHSP Tiểu học 31/12/2014 | Tiểu học          | B - 2015 | B - 2015        | II      | Năm học 2019-2020: Chiến sỹ thi đua cơ sở       | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 19 | Cao Đức         | Dung | 1981       | Phó Hiệu trưởng Trường tiểu học Lộc Quang | UBND huyện Lộc Ninh      | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | Phó Hiệu trưởng | HTT                 | Cử nhân năm 2018         | Giáo dục tiểu học | B        | A               | Hạng II | Chiến sỹ thi đua cơ sở năm 2012                 | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 20 | Nguyễn Thị Thùy | Dung | 03/02/1983 | Giáo viên Trường TH Tân Phú               | UBND huyện Đồng Phú      | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | Giáo viên       | Hoàn thành xuất sắc | Cử nhân 2019             | Giáo dục Tiểu học | B        | B               | Hạng II | Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh 2017                  | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 21 | Hoàng Thị       | Dung | 15/05/1987 | Giáo viên Trường TH Thuận Phú             | UBND huyện Đồng Phú      | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | Giáo viên       | Hoàn thành xuất sắc | Cử nhân 2017             | Sư phạm Tin học   | B 2016   | Cử nhân Tin học | Hạng II | GCN giáo viên dạy giỏi cấp huyện 2012, 2016     | II | V.07.03.07 | Đạt |

|    |                 |       |            |                                 |                          |     |            |    |            |           |                     |                          |                   |        |        |         |                                                   |    |            |     |
|----|-----------------|-------|------------|---------------------------------|--------------------------|-----|------------|----|------------|-----------|---------------------|--------------------------|-------------------|--------|--------|---------|---------------------------------------------------|----|------------|-----|
| 22 | Nguyễn Thị Thu  | Dung  | 1984       | TPT TH&THCS Bình Sơn            | UBND huyện Phú Riềng     | III | V07.03.08  | II | V07.03.07  | TPT       | HTTNV               | ĐH 2019                  | ĐHSP Mỹ Thuật     | B      | B      | II      | CSTĐCS, Giáo viên TPT giỏi huyện                  | II | V07.03.07  | Đạt |
| 23 | Dương Thị Lệ    | Giang | 1991       | GV trường TH Long Hà C          | UBND huyện Phú Riềng     | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | Giáo viên | HTTNV               | 2015                     | GD tiểu học       | B      | B      | II      | GV dạy giỏi cấp huyện                             | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 24 | Nguyễn Thị Ngọc | Hà    | 10/08/1981 | Giáo viên Trường TH Thuận Phú   | UBND huyện Đồng Phú      | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | Giáo viên | Hoàn thành xuất sắc | Cử nhân 2019             | Giáo dục Tiểu học | B      | A      | Hạng II | GCN giáo viên dạy giỏi cấp huyện 2016, 2017, 2019 | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 25 | Nguyễn Thị Minh | Hải   | 1981       | Giáo viên Trường TH Lê Văn Tám  | UBND huyện Bù Đăng       | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | Giáo viên | HTTNV               | ĐHSP Tiểu học '02/1/2018 | Tiểu học          | B-2016 | B-2016 | II      | Năm học 2017-2018: Giáo viên giỏi cấp huyện;      | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 26 | Ngô Ngọc        | Hân   | 1991       | Giáo viên Trường TH Hoàng Diệu  | UBND huyện Bù Gia Mập    | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | Giáo viên | HTTNV               | ĐH 2017                  | GDTH              | B      | B      | Hạng II | GV giỏi cấp huyện 2019-2020                       | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 27 | Phan Thị        | Hằng  | 24/03/1988 | Giáo viên Trường TH Tân Lập     | UBND huyện Đồng Phú      | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | Giáo viên | Hoàn thành xuất sắc | Cử nhân 2018             | Sư phạm Tiếng Anh | B2     | A      | Hạng II | GCN giáo viên dạy giỏi cấp huyện 2019             | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 28 | Trương Thị      | Hậu   | 1986       | Giáo viên - TH Thiện Hưng A     | UBND huyện Bù Đốp        | III | V07.03.08  | II | V07.03.07  | Giáo viên | HTTNV               | ĐHGDTH 2015              | SPTH              | B      | B      | II      | giáo viên giỏi huyện                              | II | V07.03.07  | Đạt |
| 29 | Đỗ Văn          | Hiếu  | 1981       | Giáo viên, Trường TH Tiến Thành | UBND thành phố Đồng Xoài | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | GV        | HTT                 | ĐH 2018                  | SPTH              | B      | B      | II      | CSTĐCS                                            | II | V.07.03.07 | Đạt |

|    |               |      |            |                                              |                        |     |            |    |            |             |                     |                          |                   |        |        |                    |                                              |    |            |     |
|----|---------------|------|------------|----------------------------------------------|------------------------|-----|------------|----|------------|-------------|---------------------|--------------------------|-------------------|--------|--------|--------------------|----------------------------------------------|----|------------|-----|
| 30 | Huỳnh Thị Thu | Hiếu | 21/02/1989 | Giáo viên Trường TH Tân Tiến                 | UBND huyện Đồng Phú    | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | Giáo viên   | Hoàn thành tốt      | Cử nhân 2019             | Sư phạm Mỹ thuật  | B      | B      | Hạng II            | Giáo viên dạy giỏi cấp huyện                 | II | V.07.03.07 | Đ   |
| 31 | Đoàn Thị      | Hoa  | 1978       | Giáo viên Trường TH Thọ Sơn                  | UBND huyện Bù Đăng     | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | Giáo viên   | HTTNV               | ĐHSP Tiểu học '10/1/2020 | Tiểu học          | B-2016 | B-2016 | II                 | Năm học 2017-2018; Chiến sỹ thi đua cơ sở    | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 32 | Lê Thị        | Hoa  | 1982       | Giáo viên Trường TH Chơn Thành A             | UBND huyện Chơn Thành  | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | Giáo viên   | HTTNV               | ĐHSP (2017)              | Tin học           | B      | ĐH     | II                 | CSTĐCS                                       | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 33 | Ngô Thị Lệ    | Hoa  | 1983       | Giáo viên Tiểu học, trường TH Nguyễn Bá Ngọc | UBND thị xã Bình Long  | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | GVTH        | HTXS                | Bằng cử nhân (2016)      | Giáo dục Tiểu học | B      | B      | GVTH hạng II       | 1 lần đạt danh hiệu CSTĐ cấp Thị xã năm 2020 | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 34 | Dương Thị     | Hoa  | 1989       | Giáo viên Tiểu học, trường TH Nguyễn Bá Ngọc | UBND thị xã Bình Long  | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | GVTH        | HTXS                | Bằng cử nhân (2019)      | Giáo dục Tiểu học | B1     | A      | GVTH hạng II       | Giáo viên tổng phụ trách đội giỏi cấp thị xã | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 35 | Vũ Thị        | Hồng | 1985       | GV Trường TH Trần Hưng Đạo                   | UBND thị xã Phước Long | III | V.07.04.12 | II | 07.03.07   | GV Mỹ thuật | Hoàn thành xuất sắc | ĐH 2019                  | SP mỹ thuật       | B1     | CB     | Hạng II            | GV giỏi cấp TX                               | II | 07.03.07   | Đạt |
| 36 | Bùi Thanh     | Hồng | 1969       | Hiệu trưởng trường TH An Lộc A               | UBND thị xã Bình Long  | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | Hiệu trưởng | HTXS                | Bằng cử nhân (2017)      | Sư Phạm tiểu học  | B      | A      | GV tiểu học hạng 2 | Chiến sỹ TĐCS năm học 2017-2018,             | II | V.07.03.07 | Đạt |

|    |                 |       |            |                                           |                       |     |            |    |            |                  |                     |                            |                    |             |          |              |                                                  |    |            |     |
|----|-----------------|-------|------------|-------------------------------------------|-----------------------|-----|------------|----|------------|------------------|---------------------|----------------------------|--------------------|-------------|----------|--------------|--------------------------------------------------|----|------------|-----|
| 37 | Nguyễn Văn      | Hợp   | 19/07/1982 | Giáo viên trường TH&THCS Tân Hưng         | UBND huyện Đồng Phú   | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | Giáo viên        | Hoàn thành xuất sắc | Cử nhân 2017               | Giáo dục Chính trị | B           | B        | Hạng II      | Chiến sỹ thi đua cơ sở 2019                      | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 38 | Trương Thị Kim  | Huệ   | 1989       | Giáo viên Trường TH Minh Hưng             | UBND huyện Bù Đăng    | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | Giáo viên HTXSNV |                     | ĐHSP Tiếng anh '26/12/2018 | Tiếng anh          | B Pháp-2019 | B - 2016 | II           | Giáo viên giỏi cấp huyện; Chiến sỹ thi đua cơ sở | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 39 | Nguyễn Thị Kiều | Hưng  | 1982       | giáo viên trường TH Thanh An              | UBND huyện Hớn Quản   | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | giáo viên        | HTTNV               | Đại học 2012               | Cử nhân khoa học   | B 2019      | B        |              | chiến sỹ thi đua/giáo viên dạy giỏi cấp huyện    | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 40 | Lê Thị          | Hương | 1990       | Giáo viên tiểu học, trường TH Thanh Phú A | UBND thị xã Bình Long | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | GVTH             | HTXS                | Bằng cử nhân (2016)        | Giáo dục tiểu học  | B           | A        | GVTH hạng II | Đạt chiến sỹ thi đua cơ sở, giáo viên chủ        | II | V.07.03.07 | Đạt |

|    |                    |       |      |                                               |                             |     |            |    |            |              |            |                                 |                         |            |        |         |                                                                 |    |            |     |
|----|--------------------|-------|------|-----------------------------------------------|-----------------------------|-----|------------|----|------------|--------------|------------|---------------------------------|-------------------------|------------|--------|---------|-----------------------------------------------------------------|----|------------|-----|
| 41 | Cao Thị            | Hương | 1981 | giáo viên,<br>trưởng<br>TH&THCS<br>Tân Hiệp   | UBND huyện<br>Hớn Quản      | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | giáo<br>viên | HTXSN<br>V | Đại học<br>2017                 | giáo dục<br>Tiểu học    | B          | A      | hạng II | chiến sĩ thi<br>đua cơ sở<br>cấp huyện'                         | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 42 | Lê Thị             | Hường | 1988 | Giáo viên<br>Trường TH<br>Đắk Á               | UBND huyện Bù<br>Gia Mập    | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | Giáo<br>viên | HTTNV      | ĐHSP<br>2017                    | GDTH                    | B          | A      | Hạng II | GV giỏi<br>cấp huyện<br>2018-2019,<br>2019-2020                 | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 43 | Trần Thị           | Huyền | 1972 | Giáo viên<br>Trường TH<br>Tân Xuân B          | UBND thành<br>phố Đồng Xoài | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | GV           | HTXS       | ĐHSP<br>2018                    | GDTH                    | B          | B      | II      | GVDG cấp<br>Tỉnh<br>BKTT                                        | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 44 | Mai Thị<br>Thanh   | Huyền | 1976 | Giáo viên<br>trưởng TH<br>Tân Đồng            | UBND thành<br>phố Đồng Xoài | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | GV           | HTXS       | ĐH<br>2018                      | GDTH                    | B          | B      | II      | CSTĐCS                                                          | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 45 | Đặng Thị<br>Hạnh   | Lê    | 1987 | giáo viên<br>trưởng<br>TH&THCS<br>Tân Hiệp    | UBND huyện<br>Hớn Quản      | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | giáo<br>viên | HTTNV      | Đại học<br>2016                 | giáo dục<br>Tiểu học    | B          | cơ bản | hạng II | giáo viên<br>dạy giỏi<br>cấp trường;<br>chiến sĩ thi            | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 46 | Trần Thị           | Lệ    | 1985 | Giáo viên<br>Trường tiểu<br>học Lộc Thái<br>A | UBND huyện<br>Lộc Ninh      | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | Giáo<br>viên | HTT        | Cử nhân<br>năm 2019             | Giáo<br>dục tiểu<br>học | B          | A      | Hạng II | Giáo viên<br>dạy giỏi<br>cấp tỉnh<br>năm học                    | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 47 | Nguyễn Thị<br>Hồng | Liên  | 1978 | Giáo viên<br>Trường TH<br>Đức Phong           | UBND huyện<br>Bù Đăng       | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | Giáo viên    | HTXSN      | ĐHSP Tiểu<br>học<br>'11/11/2016 | Tiểu học                | B-<br>2005 | B-2005 | II      | Năm học<br>2019-<br>2020;                                       | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 48 | Nguyễn Thị         | Liễu  | 1976 | Giáo viên<br>Trường<br>TH&THCS<br>Lộc Thuận   | UBND huyện<br>Lộc Ninh      | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | Giáo<br>viên | HTT        | ĐH<br>sư phạm<br>năm 2019       | GD<br>tiểu học          | B Anh      | B      | Hạng II | Giáo viên<br>chủ nhiệm<br>lớp giỏi<br>năm học<br>2014 -<br>2015 | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 49 | Lê Thị             | Mai   | 1992 | Giáo viên<br>TH Long<br>Hưng                  | UBND huyện<br>Phú Riềng     | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | Giáo<br>viên | HTTNV      | ĐH 2016                         | GDTH                    | B          | B      | II      | GV dạy<br>giỏi cấp<br>huyện                                     | II | V.07.03.07 | đạt |
| 50 | Phạm Thị           | Mi    | 1989 | Giáo viên<br>trưởng<br>TH&THCS<br>Lộc Thịnh   | UBND huyện<br>Lộc Ninh      | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | Giáo<br>viên | HTT        | Cử nhân sư<br>phạm năm<br>2019  | Gáo<br>dục tiểu<br>học  | B          | Cơ bản | II      | Giáo viên<br>dạy gỏi<br>cấp huyện<br>năm học<br>2017-2018       | II | V.07.03.07 | Đạt |

|    |                     |       |      |                                                   |                             |     |            |    |            |                               |                           |                                 |                         |                                           |             |                       |                                                                                                   |    |            |     |
|----|---------------------|-------|------|---------------------------------------------------|-----------------------------|-----|------------|----|------------|-------------------------------|---------------------------|---------------------------------|-------------------------|-------------------------------------------|-------------|-----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----|------------|-----|
| 51 | Lê Xuân             | Nam   | 1979 | GV Trường<br>TH Phước<br>Tín A                    | UBND thị xã<br>Phước Long   | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | GVCN                          | Hoàn<br>thành<br>xuất sắc | ĐH 2019                         | Giáo<br>dục tiểu<br>học | B<br>năm<br>2016                          | A           | Hạng II               | CSTĐCS                                                                                            | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 52 | Nguyễn Thị<br>Quỳnh | Nga   | 1982 | Giáo viên<br>trường TH<br>Tân Đồng                | UBND thành<br>phố Đồng Xoài | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | GV                            | HTXS                      | ĐH<br>2017                      | GDTH                    | B                                         | B           | II                    | CSTĐCS<br>BK<br>UBNDT                                                                             | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 53 | Vũ Thị              | Nga   | 1985 | Giáo viên<br>trường TH-<br>THCS An Phú            | UBND thị xã<br>Bình Long    | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | Giáo<br>viên-<br>Tổ<br>trưởng | HTXS                      | Bằng cử<br>nhân (2018)          | Sư<br>Phạm              | Tiếng<br>anh<br>B2,<br>Tiếng<br>pháp<br>B | B           | GV tiểu<br>học hạng 2 | GV giỏi<br>tỉnh giải II<br>năm học<br>2017-<br>2018,<br>CSTĐCS<br>năm 2017-<br>2018CSTĐ<br>CS năm | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 54 | Lương Thị<br>Thu    | Ngân  | 1987 | Giáo viên<br>Trường TH<br>Kim Đồng                | UBND huyện<br>Bù Đăng       | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | Giáo viên                     | HTXSNV                    | ĐHSP Tiếng<br>Anh<br>26/12/2018 | Tiếng<br>Anh            | B<br>tiếng<br>Pháp,<br>AV<br>bậc 4        | B -2016     | II                    | Năm 2015-<br>2026:<br>CSTĐCS,<br>2017-<br>2018: GV<br>giỏi cấp<br>tỉnh.                           | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 55 | Nguyễn Hồng         | Ngọc  | 1989 | Giáo viên<br>Trường TH<br>Phước Sơn               | UBND huyện<br>Bù Đăng       | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | Giáo viên                     | HTXSNV                    | ĐHSP Tiếng<br>anh<br>26/12/2018 | Tiểu học                | B2-<br>Pháp<br>2010                       | B -<br>2009 | II                    | Chiến sỹ<br>thi đua cơ<br>sở                                                                      | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 56 | Dương Ngọc          | Nhân  | 1980 | GV Trường<br>TH Phước<br>Tín A                    | UBND thị xã<br>Phước Long   | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | GVCN                          | Hoàn<br>thành<br>xuất sắc | ĐH 2019                         | Giáo<br>dục tiểu<br>học | B<br>năm<br>2019                          | A           | Hạng II               | CSTĐCS                                                                                            | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 57 | Trần Thị            | Nhiều | 1979 | Giáo viên<br>Tiểu học,<br>trường TH Lê<br>Văn Tám | UBND thị xã<br>Bình Long    | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | GVTH                          | HTT                       | Bằng cử<br>nhân (2019)          | GDTH                    | B                                         | B           | Hạng 2                | 4 lần đạt<br>danh hiệu<br>CSTĐ cấp<br>huyện                                                       | II | V.07.03.07 | Đạt |

|    |                  |        |      |                                     |                          |     |            |    |            |             |         |                           |            |                             |          |    |                                               |    |            |     |
|----|------------------|--------|------|-------------------------------------|--------------------------|-----|------------|----|------------|-------------|---------|---------------------------|------------|-----------------------------|----------|----|-----------------------------------------------|----|------------|-----|
| 58 | Nguyễn Thị Nhung |        | 1989 | Giáo viên,<br>TH Tiến Hưng A        | UBND thành phố Đồng Xoài | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | GV          | HTXS    | ĐH 2019                   | SP Âm nhạc | B                           | B        | II | GVDG cấp thành phố                            | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 59 | Thạch Thị Kim    | Oanh   | 1991 | Giáo viên Trường TH Nguyễn Văn Trỗi | UBND huyện Bù Đăng       | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | Giáo viên   | HTXSN V | ĐHSP Tiếng anh 26/12/2018 | Tiếng anh  | Anh văn B2-2017 Pháp B-2016 | B - 2016 | II | Năm học 2019 - 2020 : Chiến sỹ thi đua cơ sở; | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 60 | Trương Thị Oanh  |        | 1978 | Giáo viên Trường TH Thọ Sơn         | UBND huyện Bù Đăng       | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | Giáo viên   | HTTNV   | ĐHSP Tiểu học '10/1/2020  | Tiểu học   | B-2016                      | B-2016   | II | Năm học 2010-2011: Chiến sỹ thi đua cơ sở     | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 61 | Nguyễn Văn Phong |        | 1980 | Giáo viên Trường TH Tô Vĩnh Diện    | UBND huyện Bù Đăng       | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | Giáo viên   | HTXSN   | ĐHSP tiểu học '01/11/2019 | Tiểu học   | B - 2015                    | B - 2015 | II | Chiến sỹ thi đua cơ sở                        | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 62 | Đỗ Xuân Phúc     |        | 1983 | Giáo viên Trường TH Tân Xuân B      | UBND thành phố Đồng Xoài | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | GV          | HTXS    | ĐHSP 2018                 | GDTH       | B                           | B        | II | GVDG cấp TP CSTĐCS,                           | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 63 | Nguyễn Thị Thu   | Phương | 1973 | Hiệu trưởng - TH Thiện Hưng A       | UBND huyện Bù Đốp        | III | V07.03.08  | II | V07.03.07  | Hiệu trưởng | HTTNV   | ĐHGDTH 2019               | SPTH       | B 2016                      | Cơ bản   | II | CSTĐCS                                        | II | V07.03.07  | Đạt |

|    |             |        |                |                                              |                             |     |            |    |            |                       |                           |                        |                         |                  |   |         |                                                |    |            |     |
|----|-------------|--------|----------------|----------------------------------------------|-----------------------------|-----|------------|----|------------|-----------------------|---------------------------|------------------------|-------------------------|------------------|---|---------|------------------------------------------------|----|------------|-----|
| 64 | Lê Thị Thu  | Phương | 1983           | Giáo viên<br>Trường<br>TH&THCS<br>Lộc Khánh  | UBND huyện<br>Lộc Ninh      | III | V07.03.08  | II | V07.03.07  | Giáo<br>viên          | HTT                       | ĐH sư phạm<br>năm 2019 | Mỹ<br>thuật             | B Anh            | A | Hạng II | TPT Đội<br>giỏi năm<br>học 2017-<br>2018       | II | V07.03.07  | Đạt |
| 65 | Vũ Thị Minh | Phương | 1991           | GV Trường<br>TH Lê Hồng<br>Phong             | UBND thị xã<br>Phước Long   | III | V,07,03,08 | II | V,07,03,07 | GVTH                  | Hoàn<br>thành<br>xuất sắc | ĐH 2019                | Giáo<br>dục tiểu<br>học | B<br>năm<br>2016 | B | Hạng II | GV giỏi<br>cấp TX                              | II | V,07,03,07 | Đạt |
| 66 | Nguyễn Thị  | Phượng | 30/9/19<br>81  | Giáo viên<br>Trường TH<br>Tân Phú            | UBND huyện<br>Đồng Phú      | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | Giáo<br>viên          | Hoàn<br>thành<br>xuất sắc | Cử nhân<br>2019        | Giáo<br>dục<br>Tiểu học | B                | B | Hạng II | GCN giáo<br>viên dạy<br>giỏi cấp<br>huyện 2019 | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 67 | Đình Văn    | Quang  | 01/09/1<br>974 | Phó Hiệu<br>trưởng<br>Trường TH<br>Đồng Tiến | UBND huyện<br>Đồng Phú      | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | Phó<br>Hiệu<br>trưởng | Hoàn<br>thành<br>xuất sắc | Cử nhân<br>2017        | Giáo<br>dục<br>Tiểu học | B                | B | Hạng II | Chiến sĩ<br>thi đua cơ<br>sở 2019              | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 68 | Vũ Thị      | Quý    | 1979           | Giáo viên<br>trưởng TH<br>Tân Phú B          | UBND thành<br>phố Đồng Xoài | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | GV                    | HTXS                      | ĐH 2019                | GDTH                    | B                | A | II      | GVDG cấp<br>huyện                              | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 69 | Lương Thị   | Quyên  | 1969           | P. Hiệu trưởng<br>Trường TH<br>Tân Xuân B    | UBND thành<br>phố Đồng Xoài | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | P. Hiệu<br>trưởng     | HTXS                      | ĐHSP<br>2018           | GDTH                    | B                | B | II      | CSTĐCS                                         | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 70 | Nguyễn Thị  | Sen    | 1978           | GV trường<br>TH&THCS<br>Phú Trung            | UBND huyện<br>Phú Riềng     | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | Giáo<br>viên          | HTXS NV                   | ĐH 2016                | GDTH                    | B                | B | II      | gv dạy giỏi<br>cấp huyện                       | II | V.07.03.07 | đạt |

|    |                     |          |      |                                             |                             |     |            |    |            |                         |            |                                 |                              |            |                                                                    |                       |                                                                                     |    |            |     |
|----|---------------------|----------|------|---------------------------------------------|-----------------------------|-----|------------|----|------------|-------------------------|------------|---------------------------------|------------------------------|------------|--------------------------------------------------------------------|-----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|----|------------|-----|
| 71 | Hoàng Thị           | Son      | 1990 | Giáo viên<br>Trường TH<br>Bù Gia Mập        | UBND huyện<br>Bù Gia Mập    | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | Giáo<br>viên            | HTXSN<br>V | ĐH<br>2015                      | GDTH                         | B          | B                                                                  | Hạng II               | GV giỏi<br>cấp huyện<br>2019-2020<br>GV chủ<br>nhiệm giỏi<br>cấp huyện<br>2018-2019 | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 72 | Nguyễn Đình         | Tâm      | 1985 | Giáo viên<br>Trường TH<br>Đắk Á             | UBND huyện<br>Bù Gia Mập    | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | Giáo<br>viên            | HTXSN<br>V | ĐHSP<br>2011                    | SP Mỹ<br>Thuật               | B          | B                                                                  | Hạng II               | CSTĐCS<br>2018-2019<br>GV giỏi<br>cấp huyện                                         | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 73 | Hoàng Thị           | Thái     | 1983 | Giáo viên<br>Trường<br>TH&THCS<br>Lộc Thạnh | UBND huyện<br>Lộc Ninh      | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | Giáo<br>viên            | HTXS       | Cử nhân<br>năm 2019             | Gáo<br>dục tiểu<br>học       | B          | B                                                                  | Hạng II               | Chiến sỹ<br>thi đua cơ<br>sở năm<br>học 2014 -                                      | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 74 | Nguyễn Thị<br>Thanh | Thảo     | 1991 | Giáo viên<br>Trường TH<br>Xuân Hồng         | UBND huyện<br>Bù Đăng       | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | Giáo viên               | HTXSN<br>V | ĐHSP Tiểu<br>học<br>'11/11/2016 | Tiểu học                     | B-<br>2015 | A-2012                                                             | II                    | Chiến sỹ<br>thi đua cơ<br>sở                                                        | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 75 | Nguyễn Thị          | Thảo     | 1991 | Giáo viên TH<br>Long Hưng                   | UBND huyện<br>Phú Riềng     | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | Giáo<br>viên            | HTTNV      | Cử nhân<br>GDTH<br>(2016)       | GDTH                         | B          | B                                                                  | II                    | Giáo viên<br>dạy giỏi<br>cấp huyện                                                  | II | V.07.03.07 | ĐẠT |
| 76 | Trần                | Thị Tươi | 1984 | Giáo viên<br>trường TH<br>An Lộc A          | UBND thị xã<br>Bình Long    | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | Giáo<br>viên            | HTT        | Bảng cử<br>nhân (2019)          | Sư<br>phạm<br>Âm<br>nhạc     | B          | Chúng<br>chỉ ứng<br>dụng<br>công<br>nghệ<br>thông<br>tin cơ<br>bản | GV tiểu<br>học hạng 2 | '- Chiến sỹ<br>TĐCS năm<br>học 2018-<br>2019;<br>2019 -<br>2020,                    | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 77 | Hoàng Thị           | Thu      | 1986 | Giáo viên,<br>Trường TH<br>Tiền Thành       | UBND thành<br>phố Đồng Xoài | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | GV                      | HTT        | ĐH 2018                         | SP<br>tiếng<br>anh           | C-<br>Pháp | B                                                                  | II                    | GVDG cấp<br>Huyện                                                                   | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 78 | Đỗ Thị Hồng         | Thức     | 1987 | Giáo viên<br>TH Tân<br>Thành A              | UBND huyện<br>Bù Đốp        | III | V07.03.08  | II | V07.03.07  | Giáo<br>viên tin<br>học | HTTNV      | Bảng Đại<br>học(2019)           | Công<br>nghệ<br>thông<br>tin | B2         | Đại<br>học<br>CNTT                                                 | II                    | Giáo viên<br>giỏi huyện                                                             | II | V07.03.07  | Đạt |
| 79 | Phạm Thị            | Thúy     | 1991 | GV trường<br>TH Long Hà<br>C                | UBND huyện<br>Phú Riềng     | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | Giáo<br>viên            | HTTNV      | 2019                            | GD<br>tiểu học               | B          | B                                                                  | II                    | CSTĐCS                                                                              | II | V.07.03.07 | ĐẠT |

|    |                  |       |                |                                        |                             |     |            |    |            |              |                           |                                |                            |                            |        |            |                                                                              |    |            |     |
|----|------------------|-------|----------------|----------------------------------------|-----------------------------|-----|------------|----|------------|--------------|---------------------------|--------------------------------|----------------------------|----------------------------|--------|------------|------------------------------------------------------------------------------|----|------------|-----|
| 80 | Trương Thị       | Thủy  | 1984           | Giáo viên<br>Trường TH<br>Phú Sơn      | UBND huyện<br>Bù Đăng       | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | Giáo<br>viên | HTXSNV                    | ĐHSP Tiểu<br>học<br>'30/3/2017 | Tiểu học                   | A2-<br>2016                | A-2009 | II         | Năm học<br>2019-<br>2020:<br>Chiến sỹ<br>thi đua cơ<br>sở                    | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 81 | Lê Thị           | Thuy  | 1981           | Giáo viên<br>TH Phú<br>Riêng B         | UBND huyện<br>Phú Riêng     | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | Giáo<br>viên | HTXSN<br>V                | Cử nhân<br>(2016)              | GDTH                       | B                          | B      | Hạng<br>II | Giáo viên<br>day<br>giỏi cấp<br>huyện.<br>Chiến sĩ<br>thi đua cơ<br>sở       | II | V.07.03.07 | đạt |
| 82 | Đoàn Thị         | Tịnh  | 1976           | Giáo viên<br>TH Tân Phú C              | UBND thành<br>phố Đồng Xoài | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | GV           | HTXS                      | ĐH<br>2017                     | SPTH                       | B                          | B      | II         | CSTĐCS                                                                       | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 83 | Nguyễn Hữu       | Tới   | 1981           | Giáo viên<br>Trường TH<br>Lê Văn Tám   | UBND huyện<br>Bù Đăng       | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | Giáo viên    | HTXSNV                    | ĐHSP Tiểu<br>học<br>'02/1/2018 | Tiểu học                   | B-<br>2016                 | B-2016 | II         | Năm học<br>2017-<br>2018,<br>2018-<br>2019,:<br>Chiến sỹ<br>thi đua cơ<br>sở | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 84 | Phạm Thị<br>Kiều | Trang | 1991           | GV Trường<br>TH Chu Văn<br>An          | UBND thị xã<br>Phước Long   | III | V07.03.08  | II | V07.03.07  | Giáo<br>viên | Hoàn<br>thánh<br>suất sắc | ĐH<br>2017                     | Giáo<br>dục tiểu<br>học    | B<br>năm<br>2012           | B      | Hạng II    | GV giỏi<br>cấp TX                                                            | II | V07.03.07  | Đạt |
| 85 | Nguyễn Thị<br>Lệ | Tuyết | 10/11/1<br>988 | Giáo viên<br>Trường TH<br>Thuận Phú    | UBND huyện<br>Đồng Phú      | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | Giáo<br>viên | Hoàn<br>thành<br>tốt      | Cử nhân<br>2018                | Sư<br>phạm<br>Tiếng<br>Anh | Cử<br>nhân<br>Tiếng<br>Anh | B      | Hạng II    | GV dạy<br>giỏi cấp<br>huyện năm<br>2018                                      | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 86 | Đinh Thị         | Vân   | 1990           | Giáo viên<br>trường TH<br>Tiến Hưng B  | UBND thành<br>phố Đồng Xoài | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | GV           | HTXS                      | ĐH<br>2019                     | SP<br>Âm<br>Nhạc           | B                          | B      | II         | Tổng phụ<br>trách đội<br>giỏi cấp<br>huyện                                   | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 87 | Ngô Thị Thúy     | Vân   | 1988           | Giáo viên<br>Trường TH<br>Đinh Bộ Lĩnh | UBND huyện<br>Bù Gia Mập    | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | Giáo<br>viên | HTTNV                     | ĐH<br>2019                     | SP Mỹ<br>Thuật             | B                          | A      | Hạng II    | Giáo viên<br>giỏi cấp<br>huyện<br>2019-2020                                  | II | V.07.03.07 | Đạt |

|                               |                 |      |            |                                      |                        |     |            |    |            |           |                     |              |                   |                           |        |              |                                                                                    |    |            |     |
|-------------------------------|-----------------|------|------------|--------------------------------------|------------------------|-----|------------|----|------------|-----------|---------------------|--------------|-------------------|---------------------------|--------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------|----|------------|-----|
| 88                            | Dương Thị Cẩm   | Vân  | 1982       | GV Trường TH Sơn Giang               | UBND thị xã Phước Long | III | V.07.03.08 | II | V07.03.07  | Giáo viên | Hoàn thành tốt      | ĐH 2019      | Giáo dục tiểu học | B năm 2016                | B      | Hạng II      | GV giỏi cấp TX                                                                     | II | V07.03.07  | Đạt |
| 89                            | Đoàn Quang      | Vinh | 13/10/1989 | Giáo viên Trường TH Tân Phú          | UBND huyện Đồng Phú    | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | Giáo viên | Hoàn thành xuất sắc | Cử nhân 2015 | Giáo dục Thể dục  | B                         | B      | GVTH hạng II | GCN giáo viên dạy giỏi cấp huyện 2019                                              | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 90                            | Nguyễn Thị Xuân | Xuân | 24/10/1990 | Giáo viên Trường TH&THCS Thuận Lợi   | UBND huyện Đồng Phú    | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | Giáo viên | Hoàn thành tốt      | Cử nhân 2017 | Giáo dục Tiểu học | B 2016                    | B 2016 | Hạng II      | GCN giáo viên dạy giỏi cấp huyện 2017                                              | II | V.07.03.07 | Đạt |
| 91                            | Mai Thị Thanh   | Xuân | 18/08/1988 | Giáo viên - Trường TH&THCS Tân Phước | UBND huyện Đồng Phú    | III | V.07.03.08 | II | V.07.03.07 | Giáo viên | Hoàn thành xuất sắc | Cử nhân 2019 | Sư phạm Mỹ Thuật  | Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2 | B 2008 | Hạng II      | - Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở 2019<br>- GCN giáo viên dạy giỏi cấp huyện 2017, 2019 | II | V.07.03.07 | Đạt |
| <b>Danh sách có 91 người.</b> |                 |      |            |                                      |                        |     |            |    |            |           |                     |              |                   |                           |        |              |                                                                                    |    |            |     |